

Số: 32 /NQ-ĐHĐCĐ

Hải Phòng, ngày 27 tháng 04 năm 2023

## NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023 CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ- VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải Xi măng Hải Phòng;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải Xi măng Hải Phòng số 31/BB-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2023.

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2022 và Kế hoạch SXKD năm 2023 của Ban Giám đốc với 1.117.572 cổ phần tán thành, tương đương 59,3% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, với một số chỉ tiêu chính như sau:

#### 1.1. Kết quả kinh doanh năm 2022.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH Năm 2022 (NQ ĐHĐCĐ)	KH Năm 2022 (Vicem ĐC)	TH Năm 2022	Tỷ lệ % so		
						KH ĐHĐCĐ	KH Vicem đ/c	C. kỳ
1	Tổng SL	Tấn	1.054.500	1.006.210	943.690	89,5	93,78	99,1
1.1	KD Xi măng	Tấn	35.000	30.000	25.390	72,5	84,63	79,1
1.2	Vận tải bộ	Tấn	490.000	480.850	408.938	83,5	85,04	90,9
1.3	Bốc xúc	Tấn	264.000	262.000	294.828	111,7	112,53	125,1
1.4	Xe ka	Chuyển	3.640	3.882	4.191	115,1	107,96	92,5
1.5	Vận tải thủy	Tấn	114.900	106.760	90.784	79,0	85,03	94,0
1.6	Vận tải biển	Tấn	150.600	126.600	123.750	82,2	97,75	89,5
2	Tổng D.thu	Tỷ đồng	84,410	76,100	71,258	84,4	93,6	95,8
3	LNTT	Tỷ đồng	0,864	0,864	0,831	96,2	96,2	96,2
4	LNST	Tỷ đồng	0,667	0,667	0,634	95,05	95,05	90,96
5	Tỷ suất LNST/VCSH	%	2,33	2,33	2,21	94,85	94,85	90,95
6	Nộp NS	Tỷ đồng	2,800	2,500	1,989	71,0	79,56	68,3
7	Q.tiền lương	Tỷ đồng	9,200	9,200	8,902	96,7	96,7	98,9
8	Cổ tức ( dự kiến)	%	2	2	1,5	75,0	75,0	100,0

## 1.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Ghi chú
1	Tổng sản lượng	Tấn	959.000	
1.1	Kinh doanh xi măng	Tấn	30.000	
1.2	Vận tải bộ	Tấn	426.000	
1.3	Bốc xúc	Tấn	264.000	
1.4	Xe Ca	Chuyến	3.685	
1.5	Vận tải thủy	Tấn	100.000	
1.6	Vận tải biển	Tấn	139.000	
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	78,260	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,900	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,696	
5	Nộp Ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	2,550	
6	Dự kiến trả cổ tức	%	2	
7	Quỹ tiền lương	Tỷ đồng	9,350	

( Kế hoạch SXKD năm 2023 của VICEM nói chung và của Công ty nói riêng đã được VICEM báo cáo và đề nghị Bộ Xây dựng phê duyệt theo quy định; sau khi Bộ Xây dựng phê duyệt, nếu có thay đổi VICEM sẽ điều chỉnh sau).

**Điều 2.** Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022, nhiệm kỳ 2018 - 2023 và Kế hoạch hoạt động năm 2023 với 1.884.705 cổ phần tán thành, tương đương 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

**Điều 3.** Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS năm 2022, nhiệm kỳ 2018 - 2023 và Kế hoạch hoạt động năm 2023 với 1.884.705 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

**Điều 4.** Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán theo nội dung Tờ trình số 24/TTr-HĐQT ngày 27 tháng 04 năm 2023 với 1.117.572 cổ phần tán thành, tương đương 59,3% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, trong đó lược trích từ tờ trình như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số tiền
1	Tổng tài sản	Đồng	44.509.551.247
2	Nợ phải trả	Đồng	3.680.537.500
3	Vốn chủ sở hữu	Đồng	40.829.013.747
4	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Đồng	20.163.850.000



5	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Đồng	71.257.909.279
6	Tổng chi phí	Đồng	70.427.240.358
7	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	830.668.921
8	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	634.275.537
9	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	315

**Điều 5.** Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 theo nội dung Tờ trình số 25/TTr-HĐQT ngày 27 tháng 04 năm 2023 với 1.117.572 cổ phần tán thành, tương đương 59,3% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, trong đó lược trích từ tờ trình như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số tiền
<b>I</b>	<b>Vốn điều lệ</b>	<b>Đồng</b>	<b>20.163.850.000</b>
<b>II</b>	<b>Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022</b>	<b>Đồng</b>	
1	Lợi nhuận trước thuế năm 2022	Đồng	830.668.921
2	Thuế TNDN phải nộp năm 2022	Đồng	196.393.384
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2022	Đồng	634.275.537
	<b>Tổng lợi nhuận phân phối năm 2022</b>	<b>Đồng</b>	<b>634.275.537</b>
4	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền (tỷ lệ 1,5% x VĐL)	Đồng	302.457.750
5	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Đồng	331.817.787
<b>III</b>	<b>Tổng lợi nhuận còn lại chưa phân phối</b>	<b>Đồng</b>	<b>0</b>

**Điều 6.** Thông qua mức chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022 và Kế hoạch thù lao 2023 theo nội dung Tờ trình số 26/TTr-HĐQT ngày 27 tháng 04 năm 2023 với 1.884.705 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

**Điều 7.** Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 theo nội dung Tờ trình số 27/TTr-BKS ngày 27 tháng 04 năm 2023 với 1.117.572 cổ phần tán thành, tương đương 59,3% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

**Điều 8.** Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động của HĐQT theo nội dung Tờ trình số 28/TTr-HĐQT ngày 27 tháng 04 năm 2023.

### **Kết quả:**

1). Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động với 1.117.572 cổ phần tán thành, tương đương 59,3 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

2). Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Công ty với 1.117.572 cổ phần tán thành, tương đương 59,3 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

3). Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của HHDQT với 1.117.572 cổ phần tán thành, tương đương 59,3 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

### **Điều 9. Đại hội đã thống nhất bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023-2028. Kết quả:**

- Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ - Vận tải Xi măng Hải Phòng nhiệm kỳ 2023-2028 gồm các ông bà có tên sau:

Stt	Họ và tên	Số quyền được bầu	Tỉ lệ so với tổng số cổ phần tham dự đại hội (%)
1	Phạm Đăng Lợi	2.783.810	147,71%
2	Vũ Châu Thành	1.920.165	101,88%
3	Nguyễn Tuấn Anh	1.919.500	101,85%
4	Lê Văn Thắng	1.416.860	75,18%
5	Phạm Đức Hoàng	1.382.690	73,36%

- Trong đó Ông Vũ Châu Thành là thành viên HĐQT độc lập.

- Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ - Vận tải Xi măng Hải Phòng nhiệm kỳ 2023-2028 gồm các ông bà có tên sau:

Stt	Họ và tên	Số quyền được bầu	Tỉ lệ so với tổng số cổ phần tham dự đại hội (%)
1	Phạm Huy Hiệp	2.302.899	122,19%
2	Trịnh Thị Hương	1.939.457	102,91%
3	Lương Quang Tân	1.403.359	74,46%



**Điều 10. Đại hội đã được nghe Ông Lê Văn Thắng - thành viên HĐQT Báo cáo kết quả bầu Chủ tịch HĐQT và Trưởng ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028:**

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị: Ông Phạm Đăng Lợi
- Trưởng Ban Kiểm soát: Bà Trịnh Thị Hương


**Điều 11. Điều khoản thi hành**

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ vận tải Xi măng Hải Phòng nhất trí thông qua toàn văn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2023.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và toàn thể cổ đông Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ vận tải Xi măng Hải Phòng có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai theo thẩm quyền, phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng.

*Nơi nhận:*

- UBCKNN, Sở GD&ĐT TP Hà Nội (để b/c);
- VICEM (để b/c);
- Như điều 11;
- Công bố TT trên Website Cty (thay cho T/báo);
- Lưu: Văn thư.



**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**  
  
  
**Phạm Đăng Lợi**

10/01/2023